

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 7 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Bà Nguyễn Kim Kết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2015 âm lịch, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống với nhau gần 05 năm, trong thời gian này anh chị thường hay cự cãi nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa, hàn gắn được, hạnh phúc hôn nhân không đạt mục đích, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, kéo dài, chị và anh D đã ly thân từ tháng 02 năm 2020. Nay chị B yêu cầu xin ly hôn với anh D.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Đối với anh Trần Văn D:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị B và không tham gia hòa giải, xét xử.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 05 năm 2015 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Theo chị B xác định quá trình chung sống anh chị thường hay cự cãi nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa, hàn gắn được và anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2020. Từ nguyên nhân trên nên chị B yêu cầu ly hôn với anh D.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị B yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định không có, anh D không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị B và anh Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012622 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hồ Dũng Liêm**



